

Việt Nam gia nhập ASEAN là một sự kiện rất quan trọng nhất là trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ vì các nước ASEAN có một thị trường khoảng 500 triệu dân, có tổng sản phẩm nội địa GDP 1600 tỷ USD. Quá trình hội nhập và liên kết của nền kinh tế trong khu vực đã dẫn đến việc tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 4 - tháng 1/92 họp tại Singapore các nước này đã ra tuyên bố thành lập "Khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA - Asean's Free Trade Area)" nhằm tăng cường hợp tác kinh tế của khu vực với 3 nguyên tắc: hướng ra bên ngoài, cùng có lợi và linh hoạt đối với sự tham gia của các nước thành viên trong các chương trình, dự án hợp tác, xác định rõ 5 lĩnh vực hợp tác kinh tế cụ thể là: thương mại, công nghiệp, năng lượng, nông - lâm - ngư nghiệp, tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải - bưu điện và du lịch. Việc thành lập AFTA thông qua một cơ chế chủ yếu gọi là chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT - Common Effective Preferential Tariff) được bắt đầu thực hiện từ 01.1.93 mà mục tiêu cuối cùng là áp dụng mức thuế quan ưu đãi chung ở mức 0% đến 5% trong các nước thành viên ASEAN. Việc VN gia nhập vào AFTA thông qua cơ chế của CEPT đã là một tiền đề cơ bản cho việc thực hiện những cam kết ban đầu của hiệp định khung về hợp tác thương mại và dịch vụ ASEAN (AFGS: The Asean framework Agreements on Services). Hiệp định này được ký ngày 15.12.95 tại Bangkok. Đây là hiệp định hợp tác đầu tiên mà VN ký kết sau khi gia nhập ASEAN. Bài này giới thiệu khái quát về hiệp định, những thách thức và triển vọng đặt ra, những giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh trong quá trình thực hiện hiệp định này.

1. Mục tiêu và nội dung của hiệp định

- Tăng cường hợp tác dịch vụ giữa các nước thành viên ASEAN nhằm nâng cao hiệu quả, tính cạnh tranh và đa dạng hóa khả năng sản xuất, cung cấp và phân phối dịch vụ của các nước ASEAN nhằm tạo ra một quan hệ liên kết kinh tế chặt chẽ và thu hẹp khoảng cách về trình độ phát

triển giữa các nước thành viên, bảo đảm cho hệ thống thương mại đa biên công bằng, rộng mở và đạt trình độ cạnh tranh quốc tế.

- Loại bỏ các hạn chế về thương mại dịch vụ giữa các nước thành viên và mở rộng chiều sâu và phạm vi tự do hóa thương mại dịch vụ bằng những cam kết của các nước thành viên với mục đích thực hiện khu vực thương mại dịch vụ tự do cho một số lớn các ngành dịch vụ trong một hạn thời gian hợp lý thông qua việc loại bỏ các biện pháp phân biệt đối xử hiện có đồng thời nghiêm cấm việc đưa ra các biện pháp phân biệt đối xử thêm hoặc mới, cũng như các hạn chế về mở cửa thị trường.

Hiệp định qui định các phạm vi hợp tác đã được thỏa thuận qua các vòng đàm phán từ ngày 1.1.96 và tập trung vào 7 ngành dịch vụ: Tài chính, Vận tải đường biển, Bưu chính

ngoài, sự hiện diện thương mại và sự hoạt động của thể nhân làm dịch vụ.

Các cam kết của vòng đàm phán đầu tiên bao gồm: Dịch vụ vận tải hàng không (có 3 nước cam kết: Brunei, Malaysia, Singapore), dịch vụ kinh doanh (có 1 nước cam kết: Philippines), dịch vụ vận tải đường biển (có 4 nước cam kết: Brunei, Thái Lan, Malaysia và Indonesia), dịch vụ bưu chính viễn thông (có 1 nước cam kết: Việt Nam) và dịch vụ du lịch (có 7 nước cam kết). Cần chú ý là trong các cam kết ban đầu này các nước đều xuất phát từ quyền lợi quốc gia nhằm bảo vệ ngành dịch vụ của mình và còn trông chờ vào việc cam kết của các nước khác. Vì vậy bản lịch trình của mỗi nước cam kết chưa đầy đủ, chưa chi tiết, chỉ mới một số chuyên ngành hoặc một phần của chuyên ngành nhất định. Một chú ý nữa là khi một nước đã có cam kết về một ngành hoặc chuyên ngành dịch vụ nào đó thì tất cả các nước ASEAN khác đều được hưởng, dù rằng mình chưa có cam kết về dịch vụ đó.

2. Những thách thức và triển vọng

- Theo hiệp định về CEPT, VN là một thành viên mới của ASEAN nên cần phải có một thời gian để thích ứng với các qui định của AFTA. Đây là một lợi thế và cũng là thời gian chuẩn bị cần thiết để tiến hành cải cách nền kinh tế, đầu tư và đổi mới công nghệ sản xuất. Ngoài ra việc hợp tác trong một số lãnh vực về thương mại, dịch

vụ của các nước thành viên sẽ tạo điều kiện cho VN tận dụng các lợi thế so sánh của mình trong việc cạnh tranh để đẩy mạnh tốc độ xuất khẩu, gia tăng việc cung ứng các dịch vụ liên quan như hàng hải, hàng không, bưu điện.

- Các nước ASEAN ngoài việc cùng chung một khu vực địa lý còn có chung một cơ cấu giống nhau về sự phát triển các ngành liên quan như công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ tuy rằng có những khoảng cách nhất định về qui mô và trình độ nhưng không quá cách biệt, điều này tạo ra một môi trường cạnh tranh tương đối bình đẳng trong khu vực. Ngoài ra việc tham gia hiệp định còn thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

NHỮNG THÁCH THỨC, TRIỂN VỌNG VÀ KHẢ NĂNG NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA HÀNG HÓA VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH HỢP TÁC THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ ASEAN

Thạc sĩ TRẦN THỊ BÍCH NGÀ

viễn thông, Vận tải hàng không, Du lịch, Xây dựng và Dịch vụ kinh doanh. Sau 12 vòng đàm phán, các cam kết ban đầu đã được hội nghị các Bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM-29) thông qua tại Malaysia ngày 16.10.97. Để thực hiện các cam kết này dự kiến bắt đầu từ ngày 31.3.98, trong bản lịch trình của mình, mỗi nước thành viên sẽ đưa ra các cam kết cụ thể như qui định trên và phải đưa thành luật quốc gia. Các cam kết này được thể hiện qua các nội dung: Hạn chế về mở cửa thị trường, hạn chế về ưu đãi quốc gia và các cam kết bổ sung khác. Trong mỗi nội dung trên đều thể hiện 4 hình thức cung cấp dịch vụ: Cung cấp dịch vụ qua biên giới, sử dụng dịch vụ ở nước

của VN diễn ra nhanh hơn theo hướng ngày càng chuyển mạnh sang những ngành công nghệ cao và dịch vụ.

- Việc gia nhập AFTA và các cam kết ban đầu theo hiệp định sẽ đem lại cho VN những lợi thế như qui chế tối huệ quốc (MFN: The Most Favoured Nation) không điều kiện, hệ thống thuế quan phổ cập cho các nước thành viên, việc cải thiện cơ cấu giải quyết tranh chấp thương mại với các cường quốc thương mại chính, sự thuận lợi do các đối xử đặc biệt dành cho các quốc gia thành viên, được sự miễn trừ khỏi sự ngăn cấm hỗ trợ xuất khẩu.

- Giúp VN đẩy mạnh thương mại với các nước thành viên trong khối ASEAN. Hiện tại thương mại giữa các nước thành viên ASEAN với VN chiếm tới 30% khối lượng xuất nhập khẩu của VN đồng thời thúc đẩy hàng hóa VN cạnh tranh trên thị trường quốc tế về xuất khẩu và trên thị trường nội địa đối với hàng nhập khẩu, kích thích việc đổi mới công nghệ để đáp ứng yêu cầu gia tăng về năng suất và chất lượng hàng hóa cũng như dịch vụ.

- Thực hiện các cam kết ban đầu là biện pháp bảo vệ đầu tư có liên quan tới thương mại và dịch vụ và tạo thêm sự đảm bảo của quốc tế, khuyến khích đầu tư vào VN vì việc cam kết tham gia hiệp định là phải tuân thủ các tập quán và luật lệ trong thương mại quốc tế, được hưởng các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan để thâm nhập thị trường khu vực và thế giới, tạo môi trường hấp dẫn khuyến khích đầu tư.

- VN sẽ gặp các khó khăn do phải cam kết thực hiện một loạt các nghĩa vụ như có biện pháp bảo vệ thích hợp và hiệu quả cho việc thiết lập chính sách cho đầu tư nước ngoài, chính sách thuế quan và như vậy sẽ tạo điều kiện mở cửa thị trường cho các thành viên ASEAN tham gia các hoạt động thương mại và dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, thông tin, kỹ thuật và tư vấn, điều này đòi hỏi các hoạt động dịch vụ tương ứng về phía VN phải vươn lên ngang tầm các nước trong khu vực khi tham gia hiệp định trong tư thế cạnh tranh. Đây là một điều rất khó khăn cho các doanh nghiệp VN trong điều kiện về cơ sở hạ tầng, về trình độ công nghệ và khả năng cung ứng dịch vụ còn hạn chế.

- Việc cam kết cắt giảm thuế ban đầu đối với 15 nhóm mặt hàng nhập khẩu trong danh mục của CEPT mà phần lớn trong đó các nhóm hàng thuộc về thể mạnh trong việc sản xuất và xuất khẩu của VN nhất là nhóm hàng thuộc danh mục hàng nông sản, thực phẩm kể từ 01.1.96 là một khó khăn lớn của VN có ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách cũng như khả năng cạnh tranh trong quá

trình hòa nhập với nền kinh tế của khu vực Để khắc phục, cần thiết phải đầu tư và đổi mới công nghệ sản xuất đối với những nhóm mặt hàng thuộc thể mạnh của VN nhằm gia tăng tỷ trọng sản xuất hàng hóa đã qua chế biến và hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao để tăng cường tính cạnh tranh của VN trong thị trường nội địa cũng như xuất khẩu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

Quan hệ thương mại giữa VN và ASEAN qua các thống kê hàng năm cho thấy VN luôn luôn bị tình trạng nhập siêu (VN trung bình nhập khẩu khoảng 30% tổng kim ngạch nhập khẩu từ các nước ASEAN) mà nguyên nhân chính yếu là do chất lượng hàng xuất khẩu của VN chưa cao và VN trong thời kỳ của quá trình hiện đại hóa nên nhu cầu nhập khẩu tăng nhanh, vượt quá tốc độ gia tăng xuất khẩu.

- Xu thế hội nhập vào nền kinh tế khu vực tạo ra tính phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc, do đó sẽ hình thành sự đan xen lợi ích cũng như đan xen mâu thuẫn giữa các nước, đan xen cạnh tranh với hợp tác, cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn và hợp tác ngày càng sâu rộng hơn.

- Việc bảo hộ ngành dịch vụ trong nước - đặc biệt là hai hình thức cung ứng dịch vụ như: Sự hiện diện thương mại và hoạt động của thể nhân làm dịch vụ còn bị hạn chế khi hầu hết các nước đều cam kết dành cho thể nhân của nước mình làm dịch vụ, không mở cửa cho thể nhân nước ngoài nhất là trong lãnh vực giao thông vận tải, ngân hàng, bưu chính viễn thông và dịch vụ tư vấn khiến ngành dịch vụ tương ứng của VN khó phát triển phạm vi hoạt động trong khu vực ASEAN.

3.. Những giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của VN

Việc tham gia vào các cam kết hợp tác về thương mại và dịch vụ ASEAN sẽ tạo ra những cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế nhưng đồng thời cũng phát sinh những thách thức lớn mà trước mắt là phải đáp ứng được các yêu cầu có tính nguyên tắc của AFTA dành cho thương mại và dịch vụ trong khu vực như đã nêu trên. Thách thức gay gắt nhất là nguy cơ "tụt hậu" về kinh tế so với các nước trong khu vực nếu không đương đầu nổi sự cạnh tranh cũng như chống đỡ lại xu hướng biến đổi của cơ cấu kinh tế, sự biến động về giá cả, thị trường, tình hình cung cầu hàng hóa trong khu vực. Tuy nhiên, vấn đề luôn có tính quyết định vẫn là:

(1) Sức cạnh tranh của hàng hóa VN trên thị trường các nước trong khu vực cùng với tính năng động sáng tạo, vươn mạnh ra thị trường nước ngoài đương đầu quyết liệt với cạnh

tranh trên thương trường để sống còn của các doanh nghiệp Việt Nam.

(2) Xây dựng một hệ thống chiến lược kinh tế vĩ mô nhất quán và đồng bộ để đáp ứng những yêu cầu của CEPT và những cam kết ban đầu trong hiệp định nhưng phải phù hợp với thực tiễn đất nước, với khả năng cạnh tranh của thương mại VN.

(3) Các hạn chế về ưu đãi quốc gia cũng như các hạn chế về mở cửa thị trường còn tồn tại và chưa được cam kết.

Để triển khai có kết quả hiệp định khung ASEAN về dịch vụ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, trước hết cần phải tổ chức tốt việc phổ biến hiệp định và những cam kết ban đầu của các nước về các điều khoản liên quan đến khía cạnh thương mại & dịch vụ ngay khi có hiệu lực. Trên cơ sở nắm vững các cam kết, các doanh nghiệp của VN phải cấp bách tập trung nỗ lực, đầu tư, đổi mới cơ cấu sản phẩm, trang bị kỹ thuật, nâng cao sức cạnh tranh về chất lượng và giá cả để có thể vươn ra thị trường ASEAN. Cần thiết có một chính sách quản lý kinh tế vĩ mô phối hợp thống nhất và đồng bộ giữa các ngành trong việc nghiên cứu, xây dựng các chính sách thích hợp theo tiến trình áp dụng các qui chế của CEPT nhất là các vấn đề như thể chế hóa bằng luật pháp cho phép các doanh nghiệp VN đầu tư ra nước ngoài (một vấn đề còn chưa được đề cập đến trong các bộ luật về đầu tư của doanh nghiệp) để có thể xâm nhập thị trường ASEAN khi các nước cam kết mở cửa thị trường để tận dụng thời cơ kinh doanh tăng khả năng cạnh tranh và đảm bảo việc thực hiện chính sách hợp tác dịch vụ nhất quán với các nước ASEAN và giữa VN với các nước ngoài ASEAN nhằm giúp cho việc hợp tác của VN với các nước ASEAN có hiệu quả ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Kinh tế đối ngoại* - PGS. PTS Võ Thanh Thu - NXB Thống kê T4 / 97.
2. Sự gia nhập của VN vào ASEAN - Những khó khăn và biện pháp khắc phục - PTS Đào Duy Huân - *Tạp chí Kinh tế Phát triển* - Số 59 - tháng 9/1995
3. ASEAN và việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài - Trần Hồng Hạnh - *Tạp chí Tài Chính* - Số 2 (376) - 1996.
4. Tầm nhìn ASEAN 2020 - Thách thức và triển vọng trong thế kỷ mới - *Bản Tin TTXVN* - Báo *Tài chính thị trường* - Số 080(536) ngày 09/04/1998
5. *Asean Vision* - Second Asean Informal Summit/ Asean 30 th Anniversary Commemorative Summit - Kuala Lumpur 14-16 December 1997 - Asean Economic Ministers - AEM
6. *Protocol to Implement the initial package of commitments under the Asean Framework Agreement on Services* - Senior Economic officials meeting - December 1997.